

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

Tháng 4 năm 2016



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

**MẪU SỐ B 01-DNPNT**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>852,022,730,839</b>	<b>740,946,496,883</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>109,762,357,584</b>	<b>212,146,243,133</b>
1. Tiền	111		94,762,357,584	97,146,243,133
2. Các khoản tương đương tiền	112		15,000,000,000	115,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>500,982,248,896</b>	<b>291,457,840,093</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		504,803,169,985	296,518,665,960
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	129		(3,820,921,089)	(5,060,825,867)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>110,910,367,210</b>	<b>108,786,773,741</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		145,709,937,595	146,579,981,392
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	<b>7</b>	76,855,956,363	79,308,118,449
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	<b>8</b>	68,853,981,232	67,271,862,943
2. Trả trước cho người bán	132		1,891,343,678	1,379,731,256
4. Các khoản phải thu khác	135		3,910,449,485	1,407,535,642
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139	<b>9</b>	(40,601,363,548)	(40,580,474,549)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11,152,281,439</b>	<b>10,345,595,357</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>10</b>	10,306,068,443	9,407,640,509
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		9,245,933,279	8,692,614,003
1.2. Chi phí trả trước chưa phân bổ	151.2		1,060,135,164	715,026,506
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11,917,883	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>15</b>	834,295,113	937,954,848
<b>VIII. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>11</b>	<b>119,215,475,710</b>	<b>118,210,044,559</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		69,310,289,206	69,978,903,204
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		49,905,186,504	48,231,141,355
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>125,077,187,977</b>	<b>240,841,347,151</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7,271,875,928</b>	<b>7,179,875,928</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218		7,271,875,928	7,179,875,928
4.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		6,000,000,000	6,000,000,000
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		1,271,875,928	1,179,875,928
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5,740,964,232</b>	<b>5,088,927,353</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>12</b>	5,634,928,501	4,967,416,617
- Nguyên giá	222		19,095,658,951	17,958,638,951
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13,460,730,450)	(12,991,222,334)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>13</b>	106,035,731	121,510,736
- Nguyên giá	228		1,310,350,000	1,310,350,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,204,314,269)	(1,188,839,264)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>111,836,400,000</b>	<b>227,990,000,000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		111,836,400,000	227,990,000,000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>227,947,817</b>	<b>582,543,870</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		227,947,817	582,543,870
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>977,099,918,816</b>	<b>981,787,844,034</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

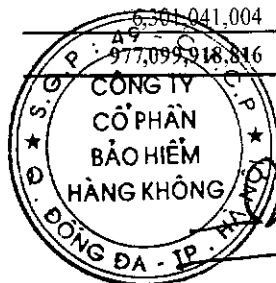
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MÃ SỐ B 01-DNPNT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
				Đơn vị: VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>460,887,931,628</b>	<b>465,943,377,723</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>459,321,955,976</b>	<b>463,717,296,947</b>
2. Phải trả cho người bán	312		125,152,157,551	129,784,410,696
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	14	121,433,348,757	129,083,400,086
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		3,718,808,794	701,010,610
3. Người mua trả tiền trước	313		7,960,274,119	7,927,703,441
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	6,700,462,096	5,226,920,470
5. Phải trả cho người lao động	315		4,008,890,466	7,450,715,975
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	5,420,110,218	21,408,397,165
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	6,305,307,460	5,861,510,364
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		427,883,635	715,883,635
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	17	303,346,870,431	285,341,755,201
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		173,003,732,577	163,563,162,570
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		98,335,428,653	90,347,042,346
13.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		32,007,709,201	31,431,550,285
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,565,975,652</b>	<b>2,226,080,776</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	1,000,000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1,564,975,652	2,225,080,776
<b>B-VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>516,211,987,188</b>	<b>515,844,466,311</b>
Vốn chủ sở hữu	410	18	516,211,987,188	515,844,466,311
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500,000,000,000	500,000,000,000
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		9,910,946,184	9,892,570,140
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6,301,041,004	5,951,896,171
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>977,099,918,816</b>	<b>981,787,844,034</b>

*(Signature)*

*(Signature)*



*(Signature)*

Nguyễn Thị Thu Hương  
 Người lập biểu

Trần Việt Quân  
 Kế toán trưởng

Trần Trọng Dũng  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DNPNT

Đơn vị: VND

### PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	50,708,573,391	41,131,399,412
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	9,571,214,845	11,906,918,741
4. Thu nhập khác	13	46,480,695	11,231,404
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	51,870,108,339	34,593,603,324
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	877,672,122	4,520,443,191
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	7,107,386,163	6,650,567,439
9. Chi phí khác	24	(78,305)	294,171
<b>10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)</b>	<b>50</b>	<b>471,180,612</b>	<b>7,284,641,432</b>
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	103,659,735	1,602,621,115
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
<b>13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>	<b>367,520,877</b>	<b>5,682,020,317</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 1 (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MÀU SỐ B 02-DNPNT**  
Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015 (Phân loại lại)
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)</b>	<b>1</b>	<b>19</b>	<b>86,382,693,315</b>	<b>80,451,985,633</b>
- Phí bảo hiểm gốc	1.1		88,647,031,970	69,469,139,575
- Phí nhận tái bảo hiểm	1.2		7,176,231,352	6,985,691,644
- Tăng(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.3		9,440,570,007	(3,997,154,414)
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm(02=02.1-02.2)</b>	<b>2</b>	<b>20</b>	<b>38,875,983,759</b>	<b>43,299,271,632</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	2.1		38,207,369,761	39,249,507,711
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	2.2		(668,613,998)	(4,049,763,921)
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>	<b>3</b>		<b>47,506,709,556</b>	<b>37,152,714,001</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)</b>	<b>4</b>		<b>3,201,863,835</b>	<b>3,978,685,411</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.1		3,185,643,809	3,975,988,389
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.2		16,220,026	2,697,022
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>	<b>10</b>		<b>50,708,573,391</b>	<b>41,131,399,412</b>
6. Chi bồi thường (11.1-11.2)	11		18,713,235,718	11,815,585,413
- Tổng chi bồi thường	11.1		18,713,235,718	11,815,585,413
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		5,106,477,992	1,577,411,804
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		7,988,386,307	3,228,387,509
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		1,674,045,149	2,724,301,663
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15= 11-12+13-14)</b>	<b>15</b>	<b>21</b>	<b>19,921,098,884</b>	<b>10,742,259,455</b>
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		576,158,916	372,053,212
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm(17=17.1+17.2)	17	22	31,372,850,539	23,479,290,657
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		4,203,407,388	3,906,886,462
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		27,169,443,151	19,572,404,195
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)</b>	<b>18</b>		<b>51,870,108,339</b>	<b>34,593,603,324</b>
<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)</b>	<b>19</b>		<b>(1,161,534,948)</b>	<b>6,537,796,088</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

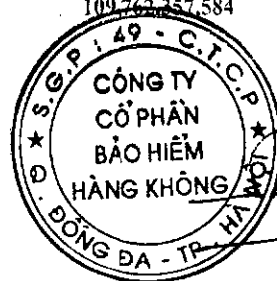
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MÀU SỐ B 03-DNPNT**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1	
		2016	2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	106,383,870,635	82,116,160,391
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(84,900,275,605)	(82,071,623,722)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(13,224,690,551)	(8,823,614,473)
5. Tiền chi nộp thuế	5	-	(3,295,146,928)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1,478,814,791	2,298,156,363
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(8,656,316,267)	(9,967,468,744)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1,081,403,003</b>	<b>(19,743,537,113)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,137,020,000)	(175,210,456)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(297,846,400,000)	(154,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	204,000,000,000	133,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,318,131,448	6,215,565,075
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(87,465,288,552)</b>	<b>(14,959,645,381)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16,000,000,000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(16,000,000,000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(102,383,885,549)</b>	<b>(34,703,182,494)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	212,146,243,133	262,727,820,786
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>109,762,357,584</b>	<b>228,024,638,292</b>


Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập biểu

Trần Việt Quân  
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNPNT

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 500 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 293 người

### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính.

### Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

### Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và mười (10) chi nhánh tại Hà Nội, Ninh Bình, Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Nghệ An, Gia Lai và thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Đông Đô.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính già, định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2016, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tài sản tài chính của Công ty do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)**

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, và công nợ tài chính khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý I**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2015</u>
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Dự phòng nghiệp vụ**

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

*Dự phòng phí chưa được hưởng:* Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

*Dự phòng dao động lớn:* Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

**Ký quỹ bảo hiểm**

Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### **Ghi nhận doanh thu**

##### ***Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 125. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) được hạch toán khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.

##### ***Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm***

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong năm, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục "Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm". Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

##### ***Đối với các hoạt động khác***

Doanh thu từ các hoạt động khác của Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

##### **Ghi nhận chi phí**

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục "Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc" và "Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm". Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng năm nay để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DNPNT

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối quý	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	677,800,818	813,983,122
Tiền gửi ngân hàng	94,084,556,766	96,332,260,011
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (i)	15,000,000,000	115,000,000,000
	<b>109,762,357,584</b>	<b>212,146,243,133</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>504,803,169,985</b>	<b>(3,820,921,089)</b>	<b>296,518,665,960</b>	<b>(5,060,825,867)</b>
a) Chứng khoán kinh doanh	32,803,169,985	(3,820,921,089)	34,518,665,960	(5,060,825,867)
- Tổng giá trị cổ phiếu	32,803,169,985	(3,820,921,089)	34,518,665,960	(5,060,825,867)
b) <b>Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>472,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>262,000,000,000</b>	<b>-</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	472,000,000,000	-	262,000,000,000	-
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>111,836,400,000</b>	<b>-</b>	<b>227,990,000,000</b>	<b>-</b>
a) <b>Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>109,846,400,000</b>	<b>-</b>	<b>226,000,000,000</b>	<b>-</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	-	-	190,000,000,000	-
- Trái phiếu (iii)	36,000,000,000	-	36,000,000,000	-
- Các khoản đầu tư khác	73,846,400,000	-	-	-
b) <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>1,990,000,000</b>	<b>-</b>	<b>1,990,000,000</b>	<b>-</b>
- Đầu tư vào đơn vị khác (iv)	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.
- (ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tài chính.
- (iii) Bao gồm khoản đầu tư vào trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Trái phiếu trị giá 36.000.000.000 VND, thời hạn 10 năm. Trái phiếu đáo hạn tại ngày 06 tháng 6 năm 2017, lãi suất danh nghĩa 9,2%/năm.
- (iv) Thể hiện khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đê (tỷ lệ sở hữu tương đương 3,3% vốn điều lệ) với thời hạn nắm giữ trên 01 năm.
- (v) Thể hiện số tiền mua cổ phiếu OTC của Công ty cổ phần cơ điện Thống Nhất với số lượng 1.571.200 cổ phiếu.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2016, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để trình bày trên báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

**7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	<b>45,118,239,082</b>	<b>43,783,748,704</b>
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	15,068,937,775	14,120,199,858
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	30,049,301,307	29,663,548,846
+ Công ty bảo hiểm PVI	28,163,842,374	29,050,314,098
+ Công ty bảo hiểm khác	1,885,458,933	613,234,748
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	<b>15,103,813,215</b>	<b>12,559,434,710</b>
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	<b>14,771,669,812</b>	<b>20,894,249,464</b>
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp đồng bảo hiểm	<b>1,467,184,410</b>	<b>1,473,338,932</b>
e) Phải thu khác	<b>395,049,844</b>	<b>597,346,639</b>
	<b>76,855,956,363</b>	<b>79,308,118,449</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	19,486,586,111	18,731,541,665
Phải thu lãi trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	2,704,800,000	1,876,800,000
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ Phần Sông Đà - Thăng Long (i)	46,662,595,121	46,662,595,121
Phải thu khác	-	926.157
	<b>68,853,981,232</b>	<b>67,271,862,943</b>

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi với giá trị lần lượt là 30.251.110.969 VND và 16.411.484.152 VND. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng (Thuyết minh số 9).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. NỢ XẤU**

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn	58,670,978,370	40,601,363,548	58,683,240,707	40,580,474,549
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	46,662,595,121	33,272,401,590	46,662,595,121	33,272,401,590
Các đối tượng khác	12,008,383,249	7,328,961,958	12,020,645,586	7,308,072,959

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2016:

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên	Cộng nợ
Phí bảo hiểm gốc	84,988,369	265,099,414	603,537,874	2,961,458,099	3,915,083,756
Phải thu tái bảo hiểm	4,161,314,031	2,253,002,640	889,657,407	789,325,415	8,093,299,493
Nợ khác	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4,246,302,400</b>	<b>2,518,102,054</b>	<b>1,493,195,281</b>	<b>3,750,783,514</b>	<b>12,008,383,249</b>

Theo Thông tư 200, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2016, Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu để trình bày trên báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý I**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Quý 1 năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</b>		
Số dư đầu năm	8,692,614,003	10,084,462,832
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	2,351,652,631	8,693,718,912
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	(1,798,333,355)	(10,085,567,741)
Số dư cuối kỳ	9,245,933,279	8,692,614,003
<b>2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác</b>	Số cuối quý	Số cuối năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,060,135,164	715,026,506
	1,060,135,164	715,026,506
	10,306,068,443	9,407,640,509

**11. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM**

	Số cuối quý	Số đầu năm
	VND	VND
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	69,310,289,206	69,978,903,204
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	49,905,186,504	48,231,141,355
	119,215,475,710	118,210,044,559

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2016	7,785,453,232	10,173,185,719	17,958,638,951
Tăng trong kỳ	1,137,020,000	-	1,137,020,000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2016	8,922,473,232	10,173,185,719	19,095,658,951
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2016	4,275,874,375	8,715,347,959	12,991,222,334
Khấu hao trong kỳ	256,523,085	212,985,031	469,508,116
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2016	4,532,397,460	8,928,332,990	13,460,730,450
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2016	3,509,578,857	1,457,837,760	4,967,416,617
Số dư tại ngày 31/03/2016	4,390,075,772	1,244,852,729	5,634,928,501

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính, website VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2016	1,310,350,000	1,310,350,000
Tăng trong kỳ	-	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0
Số dư tại ngày 31/03/2016	<b>1,310,350,000</b>	<b>1,310,350,000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2016	1,188,839,264	1,188,839,264
Tăng trong kỳ	15,475,005	15,475,005
Giảm trong kỳ		0
Số dư tại ngày 31/03/2016	<b>1,204,314,269</b>	<b>1,204,314,269</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2015	1,085,000,000	121,510,736
Số dư tại ngày 31/03/2016	106,035,731	106,035,731

**14. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
<b>a) Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>97,809,408,090</b>	<b>93,626,466,127</b>
<i>Công ty Willis Singapore</i>	43,373,742,456	38,459,444,987
<i>Công ty Willis London</i>	37,850,901,181	38,710,706,146
<i>Các công ty bảo hiểm khác</i>	16,584,764,453	16,456,314,994
<b>b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</b>	<b>4,075,546,721</b>	<b>4,809,925,988</b>
<b>c) Phải trả bồi thường bảo hiểm</b>	<b>14,707,902,723</b>	<b>26,007,942,265</b>
<i>Tổng công ty hàng không Việt Nam</i>	5,055,871,242	16,479,512,561
<i>Tổng công ty tái bảo hiểm Việt Nam</i>	5,798,529,850	3,839,394,133
<i>Các khách hàng khác</i>	3,853,501,631	5,689,035,571
<b>d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm</b>	<b>1,473,711,590</b>	<b>1,553,063,443</b>
<b>e) Phải trả khác</b>	<b>3,366,779,633</b>	<b>3,086,002,263</b>
	<b>121,433,348,757</b>	<b>129,083,400,086</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
<b>a. Số phải thu</b>	<b>834,295,113</b>	<b>937,954,848</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	834,295,113	937,954,848
<b>b. Số phải trả</b>	<b>6,700,462,096</b>	<b>5,226,920,470</b>
Thuế giá trị gia tăng	4,860,391,576	3,180,596,261
Thuế thu nhập cá nhân	690,156	198,103,505
Thuế khác	2,708,305	928,455
Thuế, phí phải nộp khác	1,836,672,059	1,847,292,249

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	Quý 1 năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>(1) Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng</b>		
Số dư đầu kỳ	5,861,510,364	9,722,136,820
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	1,559,031,970	5,861,510,364
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(1,115,234,874)	(9,722,136,820)
Số dư cuối kỳ	<u>6,305,307,460</u>	<u>5,861,510,364</u>
<b>(2) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả Bảo hiểm xã hội	2,889,000	3,155,778
Phải trả Bảo hiểm y tế	1,936,000	2,213,798
Phải trả kinh phí Công đoàn	309,235,537	268,481,365
Phải trả cho các cổ đông	4,714,413,900	20,714,413,900
Phải trả khác	391,635,781	420,132,324
	<u>5,420,110,218</u>	<u>21,408,397,165</u>
	<u>11,725,417,678</u>	<u>27,269,907,529</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

	31/03/2016		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
<b>1. Dự phòng bồi thường</b>	<b>98,335,428,653</b>	<b>49,905,186,504</b>	<b>48,430,242,149</b>
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết.	87,700,898,898	45,577,923,308	42,122,975,590
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo IBNR	10,634,529,755	4,327,263,196	6,307,266,559
<b>2. Dự phòng phí chưa được hưởng</b>	<b>173,003,732,577</b>	<b>69,310,289,206</b>	<b>103,693,443,371</b>
<b>Cộng</b>	<b>271,339,161,230</b>	<b>119,215,475,710</b>	<b>152,123,685,520</b>

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
Số dư tại ngày 01/01/2016	90,347,042,346	48,231,141,355	42,115,900,991
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	7,988,386,307	1,674,045,149	6,314,341,158
<b>Số dư tại ngày 31/03/2016</b>	<b>98,335,428,653</b>	<b>49,905,186,504</b>	<b>48,430,242,149</b>

2. Dự phòng phí chưa được hưởng	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
Số dư tại ngày 01/01/2015	163,563,162,570	69,978,903,204	93,584,259,366
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	9,440,570,007	(668,613,998)	10,109,184,005
<b>Số dư tại ngày 31/03/2016</b>	<b>173,003,732,577</b>	<b>69,310,289,206</b>	<b>103,693,443,371</b>

**3. Dự phòng dao động lớn**

	Quý 1 năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	31,431,550,285	29,607,597,710
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	576,158,916	1,823,952,575
Số sử dụng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>32,007,709,201</b>	<b>31,431,550,285</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2015	500,000,000,000	9,579,312,447	27,121,508,493	536,700,820,940
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(25,000,000,000)	(25,000,000,000)
Thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát			(250,000,000)	(250,000,000)
Lợi nhuận năm 2015			6,265,153,864	6,265,153,864
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (ii)		313,257,693	(313,257,693)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(1,871,508,493)	(1,871,508,493)
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>500,000,000,000</b>	<b>9,892,570,140</b>	<b>5,951,896,171</b>	<b>515,844,466,311</b>
Chi trả cổ tức cho cổ đông				-
Thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát				-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát				-
Lợi nhuận năm 2016			367,520,877	367,520,877
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (ii)		18,376,044	(18,376,044)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				-
<b>Số dư tại 31/03/2016</b>	<b>500,000,000,000</b>	<b>9,910,946,184</b>	<b>6,301,041,004</b>	<b>516,211,987,188</b>

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Quý 1-2016 VND	Quý 1-2015 VND
<b>Thu phí bảo hiểm gốc</b>	<b>88,659,312,700</b>	<b>69,469,246,760</b>
Bảo hiểm hàng không	25,932,357,243	28,608,488,269
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	2,178,836,690	1,239,384,623
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	4,808,090,119	2,977,515,877
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	3,927,028,571	2,944,099,394
Bảo hiểm xe cơ giới	44,901,682,942	29,865,800,016
Bảo hiểm cháy, nổ	4,137,422,983	2,813,277,328
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	911,047,868	474,363,639
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1,838,145,804	529,240,668
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	24,700,480	17,076,946
<b>Các khoản giảm phí bảo hiểm gốc</b>	<b>(12,280,730)</b>	<b>(107,185)</b>
<b>Phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>7,205,806,354</b>	<b>6,990,905,938</b>
Bảo hiểm hàng không	-	2,612,617,061
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	1,226,876,036	0
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	3,319,789,948	2,274,089,871
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	656,980	-1,571,560
Bảo hiểm xe cơ giới	-	0
Bảo hiểm cháy, nổ	1,304,269,866	797,858,344
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1,325,879,105	1,276,869,364
Bảo hiểm trách nhiệm chung	26,707,000	23,546,007
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	1,627,419	7,496,851
<b>Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (Giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm)</b>	<b>(29,575,002)</b>	<b>(5,214,294)</b>
<b>(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(9,440,570,007)</b>	<b>3,997,154,414</b>
<b>Cộng</b>	<b>86,382,693,315</b>	<b>80,451,985,633</b>

**20. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Quý 1-2016 VND	Quý 1-2015 VND
<b>Tổng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>38,207,369,761</b>	<b>39,249,507,711</b>
Bảo hiểm hàng không	25,112,366,354	30,112,045,131
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	37,575,423	189,826,805
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	4,325,906,707	2,779,534,281
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	2,341,090,884	1,750,910,784
Bảo hiểm xe cơ giới	583,950,513	443,997,480
Bảo hiểm cháy, nổ	4,461,675,540	3,154,961,952
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	745,537,793	460,783,052
Bảo hiểm trách nhiệm chung	575,961,565	335,791,331
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	23,304,982	21,656,895
<b>(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>668,613,998</b>	<b>4,049,763,921</b>
<b>Cộng</b>	<b>38,875,983,759</b>	<b>43,299,271,632</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	Quý 1-2016 VND	Quý 1-2015 VND
<b>Chi bồi thường</b>	<b>18,713,235,718</b>	<b>11,815,585,413</b>
Bảo hiểm hàng không	2,214,421,174	-
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	969,589,661	550,684,088
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	1,433,433,486	1,118,519,564
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	(444,734,507)	462,251,020
Bảo hiểm xe cơ giới	10,403,371,128	8,934,048,783
Bảo hiểm cháy, nổ	2,866,246,349	78,372,937
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1,250,034,791	652,620,319
Bảo hiểm trách nhiệm chung	20,873,636	3,500,000
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	14,588,702
Bảo hiểm khác	-	-
<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(5,106,477,992)</b>	<b>(1,577,411,804)</b>
<b>Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>7,988,386,307</b>	<b>3,228,387,509</b>
<b>(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(1,674,045,149)</b>	<b>(2,724,301,663)</b>
<b>Cộng</b>	<b>19,921,098,884</b>	<b>10,742,259,455</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Quý 1-2016 VND	Quý 1-2015 VND (Phân loại lại)
Chi hoa hồng bảo hiểm	4,203,407,388	3,906,886,462
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	-	29,386,363
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	26,058,842	0
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	15,801,894,276	12,607,514,315
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác BH	10,701,362,412	6,746,058,074
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	266,455,999	174,473,032
Chi phí khác	373,671,622	14,972,411
<b>Cộng</b>	<b>31,372,850,539</b>	<b>23,479,290,657</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý 1-2016	Quý 1-2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8,274,275,894	10,419,181,741
Thu lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	1,187,801,587	1,340,423,743
<i>Lãi trái phiếu</i>	<i>1,158,169,898</i>	<i>1,158,169,898</i>
<i>Thu lãi đầu tư cổ phiếu</i>	<i>29,631,689</i>	<i>182,253,845</i>
Cổ tức được chia	12,000	46,456,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	109,125,364	100,857,257
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	<i>109,125,364</i>	<i>100,857,257</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Doanh thu hoạt động tài chính khác	0	-
	<b>9,571,214,845</b>	<b>11,906,918,741</b>

**24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý 1-2016	Quý 1-2015
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	129,476,140	220,224,205
Chi phí kinh doanh chứng khoán	1,988,100,760	775,622,029
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	(1,239,904,778)	2,974,696,957
Chi phí hoạt động tài chính khác	0	549,900,000
	<b>877,672,122</b>	<b>4,520,443,191</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 1-2016	Quý 1-2015
	VND	(Phân loại lại) VND
Chi phí nhân viên quản lý	4,076,792,668	3,796,980,068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,887,195,674	2,141,924,612
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	20,888,999	88,053,206
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242,142,003	497,880,572
Chi phí dụng cụ văn phòng	98,839,184	54,527,454
Chi phí vật liệu quản lý	257,282,274	15,903,318
Thuế, phí và lệ phí	153,413,216	19,577,882
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	25,971,000	27,353,145
Chi phí quản lý khác	344,861,145	8,367,182
	<b>7,107,386,163</b>	<b>6,650,567,439</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Quý 1-2016 VND	Quý 1-2015 VND
Lợi nhuận trước thuế	471,180,612	7,284,641,432
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>471,180,612</b>	<b>7,284,641,432</b>
Thuế suất thông thường	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>103,659,735</b>	<b>1,602,621,115</b>

**27. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 VND
<b>I. Biên khả năng thanh toán (I = (1) – (2) – (3))</b>	<b>433,386,774,395</b>	<b>450,788,366,648</b>
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	516,211,987,188	515,844,466,311
2. Tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	27,637,803,027	24,863,701,102
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	55,187,409,765	40,192,398,561
<b>II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu</b> (Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b))	<b>52,566,843,548</b>	<b>47,464,201,034</b>
(a). 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại	52,566,843,548	47,464,201,034
(b). 12,5% tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	44,111,692,076	41,690,638,063
<b>III. So sánh (I) và (II)</b>		
Theo số tuyệt đối	<b>380,819,930,848</b>	<b>403,324,165,613</b>
Theo tỷ lệ phần trăm	<b>824%</b>	<b>950%</b>

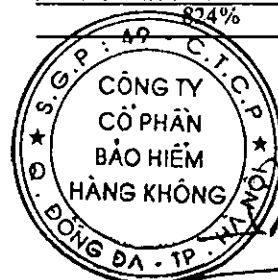


Nguyễn Thị Thu Hương  
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2016



Trần Việt Quân  
 Kế toán trưởng





Trần Trọng Dũng  
 Tổng Giám đốc

